



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
**TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - P. Phú Thọ - Tp. TDM - Tỉnh Bình Dương  
 ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522  
 Website: [www.biwase.com.vn](http://www.biwase.com.vn) Email: [ptnctnmtd@gmail.com](mailto:ptnctnmtd@gmail.com)



VILAS 817

**BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số mẫu: NC 01/14.10.2024

Ngày phát hành kết quả: 19/10/2024

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Dầu Tiếng**
- Tên mẫu: Nước đã xử lý - Bể chứa Dầu Tiếng
- Địa chỉ: Khu phố 4B, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Ngày lấy mẫu: 14/10/2024 Ngày phân tích: 14/10/2024
- Tình trạng mẫu: Mẫu nước chứa trong 2 bình 1 lít, nước trong, không màu, không mùi vị lạ.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 3	0
2	E. coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	≤ 0,01	KPH (LOD = 0,0001)
4	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CI:2023	0,2 – 1,0	0,45
5	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,5
6	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	2
7	Mùi vị	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	Độ pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,3
9	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )* (tính theo N)	mg/L	HACH Method 8038	≤ 0,3	0,06
10	Chỉ số Pecmanganat*	mgO <sub>2</sub> /L	TCVN 6186:1996	≤ 2	KPH (LOD = 0,17)
11	Hàm lượng Clorua (Cl <sup>-</sup> )*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	5
12	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
13	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO <sub>3</sub>	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	18
14	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,01

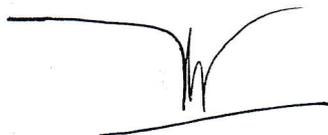
Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
15	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	0,08
16	Hàm lượng Nhôm (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,03
17	Hàm lượng Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 2	0,77
18	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )* (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	≤ 0,05	KPH (LOD = 0,01)
19	Hàm lượng Sắt tổng (Fe <sub>tc</sub> )*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,02
20	Hàm lượng Sunphate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	2,05
21	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	37

\* **Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2018/BYT.

\* **Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

**Quản lý chất lượng**



**Trần Thanh Trúc**



**Giám Đốc**

**Mai Thị Đẹp**